

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2021/DS-PT

Ngày 11-01-2021

V/v tranh chấp về sở hữu chung của các  
thành viên gia đình, thực hiện nghĩa vụ về tài  
sản do người chết để lại, thừa kế tài sản và  
quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Huỳnh Ngọc Dũng

*Các Thẩm phán:* Bà Nguyễn Thị Ngọc Hương  
Ông Lê Văn Phận

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Võ Tấn Vũ - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:** Bà Trần Thị Kim Ngân - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 382/2020/TLPT-DS ngày 07/12/2020 về “Tranh chấp về sở hữu chung của các thành viên gia đình, thực hiện nghĩa vụ về tài sản do người chết để lại, thừa kế tài sản và quyền sử dụng đất”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 63/2020/DS-ST ngày 21/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện G bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 329/2020/QĐ-PT ngày 28/12/2020 giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:**

1.1. Bà Phạm Thị H, sinh năm 1957

1.2. Bà Phạm Thị Hồng C, sinh năm 1959

1.3. Ông Nguyễn Minh T, sinh năm 1980

Cùng địa chỉ: Số nhà 135, ấp Xẻo Nhỏ, xã L, huyện G, tỉnh Bến Tre.

1.4. Bà Phạm Thị Hồng P, sinh năm 1968

Địa chỉ: Ấp Mỹ Hòa, xã M, huyện G, tỉnh Bến Tre.

**2. Bị đơn:** Bà Nguyễn Thị Sánh C1, sinh năm 1974

Địa chỉ: Số nhà 447, ấp Xẻo Nhỏ, xã L, huyện G, tỉnh Bến Tre.

**3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

3.1. Ủy ban nhân dân huyện G, tỉnh Bến Tre.

Địa chỉ trụ sở: Khu phố 2, thị trấn G, huyện G, tỉnh Bến Tre.

*Người đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân huyện G:* Bà Võ Thị Minh T - Chức vụ: Chuyên viên Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện G.

3.2. Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam.

Địa chỉ trụ sở: Số nhà 02, đường Láng Hạ, phường T, quận B, thành phố Hà Nội.

*Người đại diện theo pháp luật:* Ông Phạm Đ A - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng thành viên.

*Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Phạm Hoài V - Chức vụ: Phó Giám đốc Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện G, tỉnh Bến Tre.

3.3. Bà Phạm Thị T1, sinh năm 1933

3.4. Ông Võ Văn B, sinh năm 1969

3.5. Bà Võ Thị C2, sinh năm 1967

3.6. Bà Võ Thị Bé E, sinh năm 1971

3.7. Ông Võ Văn T2, sinh năm 1974

Cùng địa chỉ: Số nhà 92, ấp Xẻo Nhỏ, xã L, huyện G, tỉnh Bến Tre.

*Người đại diện theo ủy quyền của bà Phạm Thị T1, ông Võ Văn B, bà Thị C2, bà Võ Thị Bé E:* Ông Võ Văn T2, sinh năm 1974; địa chỉ: Số nhà 92, ấp Xẻo Nhỏ, xã L, huyện G, tỉnh Bến Tre.

3.8. Ông Phạm Hữu H1, sinh năm 1972.

Địa chỉ: Ấp Tân Hòa, xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre.

3.9. Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1937 (chết năm 2015).

*Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Nguyễn Thị N:*

3.9.1. Bà Phạm Thị H, sinh năm 1957

3.9.2. Bà Phạm Thị Hồng C, sinh năm 1959

Cùng địa chỉ: Số nhà 135, ấp Xẻo Nhỏ, xã L, huyện G, tỉnh Bến Tre.

3.9.3. Bà Phạm Thị Hồng P, sinh năm 1968

Địa chỉ: Ấp Mỹ Hòa, xã M, huyện G, tỉnh Bến Tre.

3.9.4. Ông Phạm Hữu H1, sinh năm 1972

Địa chỉ: Ấp Tân Hòa, xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre.

10. Cháu Phạm Thị Bảo N1, sinh ngày 19/01/2004

Địa chỉ: Số nhà 447, ấp Xẻo Nhỏ, xã L, huyện G, tỉnh Bến Tre.

*Người đại diện theo pháp luật:* Bà Nguyễn Thị Sánh C1, sinh năm 1974; địa chỉ: Số nhà 447, ấp Xẻo Nhỏ, xã L, huyện G, tỉnh Bến Tre.

11. Ông Trần Hoàng L, sinh năm 1978

Địa chỉ: Ấp Quy Nghĩa, xã Lương Quới, huyện G, tỉnh Bến Tre.

4. *Người kháng cáo:* Nguyên đơn bà Phạm Thị Hồng P, bị đơn bà Nguyễn Thị Sánh C1.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng nguyên đơn bà Phạm Thị H trình bày:*

Phần đất tranh chấp có diện tích 10.915m<sup>2</sup> trong đó có 300m<sup>2</sup> đất thổ cư, thuộc thửa số 22, tờ bản đồ số 21, tọa lạc tại ấp Xẻo Nhỏ, xã L, huyện G, tỉnh Bến Tre. Nguồn gốc đất là của ông bà để lại cho cha mẹ bà là ông Phạm Văn Xương (chết năm 2007) và bà Nguyễn Thị N (chết năm 2015).

Năm 1976, cha mẹ bà giao lại cho các người con là Phạm Thị H, Phạm Thị Hồng C, Phạm Thị Hồng C3 (chết năm 1981), Phạm Hữu Đ, Phạm Hữu H1, Phạm Thị Hồng H2 (chết năm 1983), Phạm Hữu T3 (chết năm 1980) và Phạm Thị Hồng P. Thời điểm này, bà là chủ hộ và đứng ra kê khai quyền sử dụng đất.

Năm 1998, ông Phạm Hữu Đ là con trong gia đình đại diện hộ gia đình đứng ra kê khai và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đất cấp cho hộ gia đình, hộ gồm có: Phạm Thị H, Phạm Thị Hồng C, Phạm Hữu Đ, Nguyễn Minh T.

Bà yêu cầu bà Nguyễn Thị Sánh C1 phải chia quyền sử dụng đất cho bà phần đất có diện tích 2097.7m<sup>2</sup> thuộc thửa số 1/22, tờ bản đồ số 21, tọa lạc tại ấp Xẻo Nhỏ, xã L, huyện G, tỉnh Bến Tre theo kết quả đo đạc ngày 08/8/2019. Nếu phần bà nhận nhiều hơn thì sẽ trả giá trị chênh lệch cho người nhận ít hơn và ngược lại.

Bà yêu cầu nhận phần đất này do đất của hộ gia đình ông Phạm Hữu Đ, bà là thành viên trong hộ vì vậy bà có quyền hưởng, đồng thời bà đã được cha mẹ cho phần đất này. Nếu Tòa án chấp nhận giao bà phần đất này thì đối với các tài sản trên đất bà không đồng ý trả giá trị cho bà C, ông T và không yêu cầu di dời. Trường hợp Tòa án không chấp nhận yêu cầu của bà thì bà không yêu cầu Tòa án xem xét công sức cải tạo đất, cây trồng trên đất.

Bà không đồng ý trả nợ Ngân hàng số tiền mà vợ chồng ông Phạm Hữu Đ và bà Nguyễn Thị Sánh C1 đã vay. Lý do, số tiền vay ông Đ và bà Sánh C1 sử dụng vào mục đích cá nhân, khi vay bà không biết và cũng không có ký tên vay vốn. Bà yêu cầu hủy hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất giữa ông Đ và Ngân hàng vì ông Đ thế chấp không có sự đồng ý của những người trong hộ gia đình.

*Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng nguyên đơn bà Phạm Thị Hồng C trình bày:*

Bà thống nhất với lời trình bày của bà Phạm Thị H về nguồn gốc đất và quá trình quản lý sử dụng đất. Bà yêu cầu bà Nguyễn Thị Sánh C1 phải chia quyền sử dụng đất cho bà phần đất có diện tích 2033.2m<sup>2</sup> thuộc thửa số 1/22, tờ bản đồ số 21, tọa lạc tại ấp Xẻo Nhỏ, xã L, huyện G, tỉnh Bến Tre theo kết quả đo đạc ngày 08/8/2019, đây là phần đất hương hỏa. Nếu phần bà nhận nhiều hơn thì bà sẽ trả giá trị chênh lệch cho người nhận ít hơn và ngược lại.

Bà yêu cầu nhận phần đất này do đất của hộ gia đình ông Phạm Hữu Đ, bà là thành viên trong hộ vì vậy bà có quyền hưởng và bà đã được cha mẹ cho phần đất này. Trường hợp Tòa án không chấp nhận yêu cầu của bà thì bà không yêu cầu Tòa án xem xét công sức cải tạo đất, cây trồng trên đất. Trường hợp Tòa án chấp nhận giao bà phần đất này thì bà đồng ý trả giá trị cây trồng cho người thừa kế ông Đ. Bà không có yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ ông Phạm Hữu Đ.

Bà không đồng ý trả nợ Ngân hàng số tiền mà vợ chồng ông Phạm Hữu Đ và bà Nguyễn Thị Sánh C1 đã vay.

*Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn ông Nguyễn Minh T trình bày:*

Ông thống nhất với lời trình bày của bà Phạm Thị H về nguồn gốc đất và quá trình quản lý sử dụng đất. Ông yêu cầu bà Nguyễn Thị Sánh C1 phải chia quyền sử dụng đất cho ông phần đất có diện tích 1888.7m<sup>2</sup> thuộc thửa số 1/22, tờ bản đồ số 21, tọa lạc tại ấp Xẻo Nhỏ, xã L, huyện G, tỉnh Bến Tre do ông có đứng tên trong hộ khẩu, đất này của hộ gia đình ông Phạm Hữu Đ, ông là thành viên trong hộ vì vậy ông có quyền được hưởng. Ông đã sử dụng đất này từ khi ông Đ chết năm 2004 nên ông yêu cầu được chia để ông tiếp tục canh tác, quản lý và sử dụng.

Trường hợp Tòa án không chấp nhận yêu cầu của ông thì ông không yêu cầu Tòa án xem xét công sức cải tạo đất, cây trồng trên đất mà ông đã trồng và ông không có yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ ông Phạm Hữu Đ. Trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu của ông thì ông đồng ý bồi thường giá trị cây trồng cho bà Phạm Thị Hồng P.

Ông không đồng ý trả nợ Ngân hàng số tiền mà vợ chồng ông Phạm Hữu Đ và bà Nguyễn Thị Sánh C1 đã vay.

*Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng nguyên đơn bà Phạm Thị Hồng P trình bày:*

Bà thống nhất với lời trình bày của bà Phạm Thị H về nguồn gốc đất và quá trình quản lý sử dụng đất. Bà canh tác trên đất từ năm 1976 đến nay. Năm 1992, mẹ bà là bà Nguyễn Thị N cho bà và có làm giấy xác nhận tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện G, tỉnh Bến Tre. Bà có tên trong hộ khẩu chung của bà Phạm Thị H đến năm 1996, bà theo chồng và cắt hộ khẩu về xã M, huyện G, tỉnh Bến Tre.

Bà yêu cầu bà Nguyễn Thị Sánh C1 phải chia quyền sử dụng đất cho bà phần đất có diện tích 2761m<sup>2</sup> thuộc thửa số 1/22, tọa lạc tại ấp Xẻo Nhỏ, xã L, huyện G, tỉnh Bến Tre theo kết quả đo đạc ngày 08/8/2019. Nếu phần bà nhận nhiều hơn thì sẽ trả giá trị chênh lệch cho người nhận ít hơn và ngược lại. Bà yêu cầu phần đất này là do đất này của hộ gia đình ông Phạm Hữu Đ, bà là thành viên trong hộ vì vậy bà có quyền hưởng và bà đã được cha mẹ cho phần đất này.

Trường hợp Tòa án chấp nhận giao bà phần đất này thì bà đồng ý trả giá trị cây trồng đối với những cây trồng của ông Nguyễn Minh T. Trường hợp Tòa án không chấp nhận yêu cầu của bà thì bà không yêu cầu Tòa án xem xét công sức cải tạo đất, bà yêu cầu những người nhận phần đất này trả giá trị cây trồng, tài sản trên

đất và bà không có yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ ông Phạm Hữu Đ.

Bà không đồng ý trả nợ Ngân hàng số tiền mà vợ chồng ông Phạm Hữu Đ và bà Nguyễn Thị Sánh C1 đã vay.

*Tại bản tự khai của bị đơn bà Nguyễn Thị Sánh C1 và trong quá trình tố tụng người đại diện theo ủy quyền của bà Sánh C1 trình bày:*

Phần đất đang tranh chấp là của ông Phạm Hữu Đ tự khai hoang vào năm 1976. Sau đó, ông Đ được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1999. Năm 2002, ông Phạm Hữu Đ kết hôn với bà Nguyễn Thị Sánh C1 và cùng canh tác, quản lý sử dụng chung trên đất này. Năm 2004, ông Phạm Hữu Đ chết. Năm 2005, các nguyên đơn đã tự ý vào lấn chiếm đất để canh tác. Nay theo yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị H, bà Phạm Thị Hồng C, bà Phạm Thị Hồng P, ông Nguyễn Minh T thì bà Nguyễn Thị Sánh C1 không đồng ý chia đất. Về khoản nợ Ngân hàng thì bà Nguyễn Thị Sánh C1 đồng ý trả cho ngân hàng số tiền nợ gốc đã vay là 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng và tiền lãi phát sinh theo quy định pháp luật.

Bà Nguyễn Thị Sánh C1 tự nguyện rút toàn bộ yêu cầu phản tố. Đất này được cấp cho hộ ông Phạm Hữu Đ, vợ của ông Đ là bà Nguyễn Thị Sánh C1 yêu cầu các nguyên đơn phải trả toàn bộ diện tích đất đã tự lấn chiếm và đang sử dụng.

Trường hợp Tòa án không chấp nhận yêu cầu của các nguyên đơn thì các nguyên đơn tự ý chặt bỏ di dời cây trồng và các tài sản của họ trên đất vì họ tự ý vào chiếm đất, khi chiếm đất bà Sánh C1 cũng có ngăn cản, bà Sánh C1 không bồi thường.

*Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam là ông Phạm Hoài Vũ trình bày:*

Vào ngày 18/3/2004, Ngân hàng có cho vợ chồng ông Phạm Hữu Đ và bà Nguyễn Thị Sánh C1 vay số tiền là 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng, tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất diện tích 10915m<sup>2</sup> trong đó có 300m<sup>2</sup> thổ cư, thuộc thửa số 22, tờ bản đồ số 21, tọa lạc tại ấp Xẻo Nhỏ, xã L, huyện G, tỉnh Bến Tre đất cấp cho hộ ông Phạm Hữu Đ. Tài sản đảm bảo tiền vay thế chấp quyền sử dụng đất số N043149 thửa số 1458 và 1459, tờ bản đồ số 02, diện tích 10915m<sup>2</sup> do Ủy ban nhân dân huyện G, tỉnh Bến Tre cấp ngày 05/8/1999 theo hợp đồng thế chấp số 0077 ngày 16/3/2004 được đăng ký thế chấp tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện G, tỉnh Bến Tre và được xác nhận đăng ký hợp pháp tài sản không tranh chấp.

Nay Ngân hàng yêu cầu buộc bà Nguyễn Thị Sánh C1 thanh toán tất nợ cho Ngân hàng tổng số tiền tính đến ngày 06/7/2020 là 122.289.564 đồng, trong đó: tiền gốc là 30.000.000 đồng, tiền lãi là 92.289.564 đồng và tiền lãi phát sinh đến ngày tất nợ cho Ngân hàng. Trường hợp, bà Sánh C1 không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền kê biên, bán đấu giá tài sản thế chấp để thu hồi nợ. Đồng thời, để đảm bảo quyền lợi hợp pháp và đảm bảo an toàn vốn của Ngân hàng đề nghị Tòa án nhân dân các cấp không phân chia tài sản đang thế chấp tại Ngân hàng trước khi

khách hàng vay trả tất nợ cho Ngân hàng.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Hữu H1 trình bày:*

Ông Phạm Văn Xướng (chết năm 2007) và bà Nguyễn Thị N (chết năm 2015) không có lập di chúc, ông Xướng và bà N có 10 người con là Phạm Thị H, Phạm Thị Hồng C, Phạm Thị Hồng C3 (chết năm 1981), Phạm Hữu Đ, Phạm Thị Hồng H2 (chết năm 1982), Phạm Thị Hồng P, Phạm Hữu T3 (chết năm 1979), Phạm Hữu H1, Phạm Hữu Thịnh (chết năm 1981) và Phạm Thị Hồng Cúc (chết năm 1978).

Bà Nguyễn Thị N có tạo lập tài sản là phần đất có diện tích 12446m<sup>2</sup> thuộc thửa số 22, tờ bản đồ số 21, tọa lạc tại ấp Xẻo Nhỏ, xã L, huyện G, tỉnh Bến Tre. Phần đất này do ông Phạm Hữu Đ đại diện hộ gia đình đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, để thuận tiện cho việc vay vốn Ngân hàng làm ăn, ông Đ đã thế chấp và ông Phạm Hữu Đ chết năm 2004 do tai nạn giao thông.

Nay ông yêu cầu chia di sản của bà Nguyễn Thị N là phần đất có diện tích 12446m<sup>2</sup> thuộc thửa số 22, tờ bản đồ số 21, tọa lạc tại ấp Xẻo Nhỏ, xã L, huyện G, tỉnh Bến Tre; ông yêu cầu được nhận diện tích là 2058.9m<sup>2</sup> và yêu cầu hủy hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất của ông Phạm Hữu Đ với Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam.

Ngày 28 tháng 3 năm 2019, ông Phạm Hữu H1 có đơn xin rút yêu cầu khởi kiện.

*Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị T1 là ông Võ Văn T2 trình bày:*

Trước đây, hộ bà Phạm Thị T1 có phần đất diện tích là 1460m<sup>2</sup> thuộc thửa số 1457, tờ bản đồ số 02, tọa lạc tại ấp Xẻo Nhỏ, xã L, huyện G, tỉnh Bến Tre được Ủy ban nhân dân huyện G, tỉnh Bến Tre cấp cho hộ bà Phạm Thị T1 vào ngày 04/7/1996. Vào khoảng năm 2004, Nhà nước tiến hành đo đạc và cấp sổ lại theo quy định. Do quá trình đo đạc không có sự chứng kiến của bà T1 nên việc cấp sổ lại có sự nhầm lẫn, cụ thể phần đất của bà T1 theo đo đạc hiện nay có diện tích 727.2m<sup>2</sup> (thửa cũ số 1457, tờ bản đồ số 2) đã được cấp cho hộ ông Phạm Hữu Đ. Vì vậy, bà Phạm Thị T1 yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Phạm Thị H, bà Phạm Thị Hồng C, ông Nguyễn Minh T, bà Nguyễn Thị Sánh C1, bà Phạm Thị Hồng P, ông Phạm Hữu H1 có trách nhiệm trả lại phần đất có diện tích 727.2m<sup>2</sup> thuộc thửa số 22, tờ bản đồ 21, tọa lạc tại ấp Xẻo Nhỏ, xã L, huyện G, tỉnh Bến Tre do hộ ông Phạm Hữu Đ đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Ngày 17 tháng 9 năm 2020, người đại diện theo ủy quyền của bà Phạm Thị T1 là ông Võ Văn T2 có đơn xin rút yêu cầu khởi kiện.

*Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân huyện G là bà Võ Thị Minh Thơ trình bày:*

Trên cơ sở Biên bản xét duyệt của Hội đồng đăng ký đất ngày 13/9/1998 với nội dung thống nhất đề nghị duyệt cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho 92 hộ gia đình, cá nhân đủ điều kiện trong đó có hộ ông Phạm Hữu Đ tại 02 thửa đất, tổng diện tích là 10915m<sup>2</sup>. Được công khai và kết thúc công khai tại Ủy ban nhân dân xã L đúng thời gian quy định. Ngày 26/11/1998, Ủy ban nhân dân huyện ban

hành Quyết định số: 656/QĐ-UB về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho 92 hộ sử dụng đất tại xã L, trong đó có hộ ông Phạm Hữu Đ.

Ngày 26/11/1998, hộ ông Phạm Hữu Đ, địa chỉ thường trú Ấp 1, xã L được Ủy ban nhân dân huyện G cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa đất số 1458, tờ bản đồ số 02, diện tích 300m<sup>2</sup>, thửa đất số 1459, tờ bản đồ số 02, diện tích 10615m<sup>2</sup>, tọa lạc tại xã L.

Căn cứ vào hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hộ ông Phạm Hữu Đ là đúng với trình tự quy định tại thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Do hòa giải không thành, Tòa án nhân dân huyện G đã đưa vụ án ra xét xử.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 26/2015/DS-ST ngày 24/7/2015 của Tòa án nhân dân huyện G đã tuyên:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Phạm Thị H, Phạm Thị Hồng C, Phạm Thị Hồng P. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyễn Minh T. Chấp nhận một phần yêu cầu phân tố của bà Nguyễn Thị Sánh C1 và chấp nhận toàn bộ yêu cầu của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn.

Ngày 06/8/2015, bà Nguyễn Thị Sánh C1 kháng cáo. Ngày 07/8/2015, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện G kháng nghị bản án.

Tại Bản án phúc thẩm số: 270/2015/DS-PT ngày 19/12/2015 của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre quyết định: Hủy bản án dân sự sơ thẩm số: 26/2015/DS-ST ngày 24/7/2015 của Tòa án nhân dân huyện G, giao hồ sơ vụ án về cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục chung.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 63/2020/DS-ST ngày 21/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện G đã áp dụng khoản 9 và khoản 14 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; các Điều 212, 317, 407, 609, 612, 613, 615, 623, 649, 652 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 95, 100, 167, 203 của Luật Đất đai năm 2013; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án xử:

1. Đình chỉ yêu cầu độc lập của ông Phạm Hữu H1 về việc chia thừa kế tài sản do ông Phạm Văn Xướng và bà Nguyễn Thị N để lại đối với phần đất đo đạc thực tế diện tích 11484.2m<sup>2</sup>, mục đích sử dụng đất: 300m<sup>2</sup> đất thổ cư; 11184.2m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm, thửa 22, tờ bản đồ số 21, tọa lạc tại ấp Xẻo Nhỏ, xã L, huyện G, tỉnh Bến Tre. Ông H1 có quyền khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Sánh C1 chia thừa kế theo quy định của pháp luật phân tài sản do ông Xướng và bà N để lại bằng một vụ kiện khác.

2. Đình chỉ yêu cầu độc lập của bà Phạm Thị T1 về việc yêu cầu bà Phạm Thị H, bà Phạm Thị Hồng C, bà Phạm Thị Hồng P, bà Nguyễn Thị Sánh C1, ông Phạm Hữu H1, ông Nguyễn Minh T trả cho bà T1 phần diện tích đất 727.2m<sup>2</sup>, thửa 1/22, tờ bản đồ số 21, tọa lạc tại ấp Xẻo Nhỏ, xã L, huyện G, tỉnh Bến Tre.

3. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị H, bà Phạm Thị Hồng C, bà

Phạm Thị Hồng P về việc chia tài sản chung đối với phần đất đo đạc thực tế diện tích 11484.2m<sup>2</sup>, mục đích sử dụng đất: 300m<sup>2</sup> đất thổ cư; 11184.2m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm, thửa số 22, tờ bản đồ số 21, tọa lạc tại ấp Xẻo Nhỏ, xã L, huyện G, tỉnh Bến Tre.

- Bà Phạm Thị H được quyền sử dụng phần đất diện tích 2097.7m<sup>2</sup>, mục đích sử dụng đất: 60m<sup>2</sup> đất thổ cư; 2037.7m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm, thửa 1/22, tờ bản đồ số 21, tọa lạc tại ấp Xẻo Nhỏ, xã L, huyện G, tỉnh Bến Tre và toàn bộ hoa màu, nhà, công trình vật kiến trúc trên đất.

- Bà Phạm Thị Hồng C được quyền sử dụng phần đất diện tích 2033.2m<sup>2</sup>, mục đích sử dụng đất: 60m<sup>2</sup> đất thổ cư; 1973.2m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm, thửa 1/22, tờ bản đồ số 21, tọa lạc tại ấp Xẻo Nhỏ, xã L, huyện G, tỉnh Bến Tre và toàn bộ hoa màu trên đất.

- Bà Phạm Thị Hồng P được quyền sử dụng phần đất diện tích 2761m<sup>2</sup>, mục đích sử dụng đất: 60m<sup>2</sup> đất thổ cư; 2701m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm, thửa 1/22, tờ bản đồ số 21, tọa lạc tại ấp Xẻo Nhỏ, xã L, huyện G, tỉnh Bến Tre và toàn bộ hoa màu trên đất. Trên đất có một ngôi mộ quét vôi chôn cất ông Phạm Hữu Đ, bà P có nghĩa vụ tạo điều kiện cho gia đình bà Nguyễn Thị Sánh C1 tới lui chăm sóc ngôi mộ.

- Bà Nguyễn Thị Sánh C1 được quyền sử dụng phần đất diện tích 2703.6m<sup>2</sup>, mục đích sử dụng đất: 60m<sup>2</sup> đất thổ cư; 2643.6m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm, thửa 1/22, tờ bản đồ số 21, tọa lạc tại ấp Xẻo Nhỏ, xã L, huyện G, tỉnh Bến Tre và toàn bộ hoa màu, nhà, công trình vật kiến trúc trên đất.

- Buộc bà Phạm Thị H trả tiền công sức đầu tư, cải tạo đất cho ông Phạm Hữu Đ (bà Nguyễn Thị Sánh C1 đại diện nhận) số tiền 23.032.800 (*hai mươi ba triệu không trăm ba mươi hai nghìn tám trăm*) đồng.

4. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Minh T về việc chia phần đất đo đạc thực tế diện tích 11484.2m<sup>2</sup>, mục đích sử dụng đất: 300m<sup>2</sup> đất thổ cư; 11184.2m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm, thửa số 22, tờ bản đồ số 21, tọa lạc tại ấp Xẻo Nhỏ, xã L, huyện G, tỉnh Bến Tre. Ông T được quyền sử dụng phần đất diện tích 1888.7m<sup>2</sup>, mục đích sử dụng đất: 60m<sup>2</sup> đất thổ cư; 1828.7m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm, thửa 1/22, tờ bản đồ số 21, tọa lạc tại ấp Xẻo Nhỏ, xã L, huyện G, tỉnh Bến Tre và toàn bộ hoa màu trên đất. Ông T có nghĩa vụ thanh toán giá trị đất cho bà Phạm Thị Hồng P số tiền 23.902.500 (*hai mươi ba triệu chín trăm lẻ hai nghìn năm trăm*) đồng, cho bà Nguyễn Thị Sánh C1 số tiền 60.862.500 (*sáu mươi triệu tám trăm sáu mươi hai nghìn năm trăm*) đồng. Ghi nhận việc bà Phạm Thị H và bà Phạm Thị Hồng C không yêu cầu ông Nguyễn Minh T thanh toán giá trị đất.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

5. Chấp nhận một phần yêu cầu của bà Phạm Thị Hồng C, ông Nguyễn Minh T về việc yêu cầu hủy hợp đồng thế chấp số: 0077/TC ngày 16/3/2004 giữa Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam với ông Phạm Hữu Đ và bà



Nguyễn Thị Sánh C1.

- Hủy một phần Hợp đồng thế chấp số: 0077/TC ngày 16/3/2004 đối với phần đất diện tích 8613.15m<sup>2</sup> thuộc 1/22, tờ bản đồ số 21, tọa lạc tại ấp Xẻo Nhỏ, xã L, huyện G, tỉnh Bến Tre.

- Chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam. Buộc bà Nguyễn Thị Sánh C1 trả cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam số tiền gốc 30.000.000 (*ba mươi triệu*) đồng, tiền lãi tính đến ngày 06/7/2020 là 92.289.564 (*chín mươi hai triệu hai trăm tám mươi chín nghìn năm trăm sáu mươi bốn*) đồng và tiền lãi phát sinh đến ngày tất nợ theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số: 0421210077/HĐTD ngày 16/3/2004. Trường hợp bà Nguyễn Thị Sánh C1 không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam được quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Bến Tre xử lý số tiền 60.862.500 (*sáu mươi triệu tám trăm sáu mươi hai nghìn năm trăm*) đồng do ông Nguyễn Minh T thanh toán giá trị đất chênh lệch, tài sản bảo đảm là phần đất diện tích 2703.6m<sup>2</sup> thuộc 1/22, tờ bản đồ số 21, tọa lạc tại ấp Xẻo Nhỏ, xã L, huyện G, tỉnh Bến Tre và tài sản gắn liền với đất để thu hồi nợ theo đúng quy định pháp luật.

- Kiến nghị cơ quan có thẩm quyền điều chỉnh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các đương sự như án đã tuyên.

(Kèm theo Hồ sơ đo đạc theo yêu cầu của Tòa án ngày 08/8/2019 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện G, tỉnh Bến Tre).

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng, nghĩa vụ chậm thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 28/9/2020, bị đơn bà Nguyễn Thị Sánh C1 kháng cáo. Nội dung kháng cáo, bà Sánh C1 cho rằng: (1) Nguồn gốc đất là do chồng bà là ông Phạm Hữu Đ khai hoang từ đất của ông Thân, bà T1, không phải của ông bà để lại cho bà N; (2) Ông Đ khai hoang dần dần từ năm 1976, có dân công, đổi công với bạn bè nên cấp sơ thẩm cho rằng ông Đ 13 tuổi không thể khai hoang là không đúng; (3) Sổ hộ khẩu không phải là giấy tờ chứng minh về quyền tài sản, các nguyên đơn chỉ có tên trong hộ khẩu do ông Đ làm chủ hộ, không có công sức đóng góp trong việc hình thành nên tài sản. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ngày 06/10/2020, nguyên đơn bà Phạm Thị Hồng P kháng cáo một phần bản án sơ thẩm. Nội dung kháng cáo, bà P cho rằng: (1) Bà không đồng ý theo bản đồ đo đạc ngày 08/8/2019, bà yêu cầu giữ đúng hiện trạng vị trí của phần đất 2.761m<sup>2</sup> thuộc tờ bản đồ số 21, thửa 22; (2) Bà yêu cầu xem xét lại phần án phí, do quyền lợi và nghĩa vụ các thành viên khác là như nhau thì phải đóng án phí bằng nhau.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn bà Sánh C1 giữ nguyên nội dung kháng cáo, bà trình bày: Nguồn gốc đất là do công sức khai phá của chồng bà, không phải là tài sản chung như trình bày của các nguyên đơn, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận nội dung kháng cáo của bà, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn.

Nguyên đơn bà P giữ nguyên nội dung kháng cáo, bà trình bày: Khi đo đạc để giải quyết vụ án vào năm 2019, Tòa án không đo đúng với vị trí đất mà bà được mẹ (bà N) cho nên bà kháng cáo yêu cầu được nhận đúng vị trí đất mà bà đang canh tác. Đồng thời, do hoàn cảnh khó khăn nên bà yêu cầu xem xét lại phần án phí.

Các nguyên đơn bà H, bà C, ông T không đồng ý với nội dung kháng cáo của bà Sánh C1, bà P, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng, những người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Về nội dung: Bị đơn bà Sánh C1 cho rằng đất có nguồn gốc của ông Thân, do ông Thân tản cư đi Mỹ Tho nên ông Đ khai hoang, sau này ông Thân tranh chấp thì ông Đ có trả lại cho ông Thân một phần đất. Nhưng theo xác nhận của ông Nhì thì không có tranh chấp giữa ông Thân và ông Đ. Trong khi đó, ông Nhì xác nhận đất là của bà Vốn cho bà N, bà N cho các con. Sổ hộ khẩu có nhiều thay đổi nhưng tại thời điểm cấp đất thì các nguyên đơn có tên trong sổ hộ khẩu của ông Đ. Bà Sánh C1 cũng thừa nhận có cùng các chị em làm cỏ, trồng màu, có đứng tên trong sổ hộ khẩu nên cấp sơ thẩm xác định đất tranh chấp là tài sản chung và chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn là có căn cứ, kháng cáo của bà Sánh C1 là không có căn cứ. Đối với kháng cáo của bà P, bà yêu cầu nhận đúng vị trí đất mà bà được cho vì trên phần đất đó bà đã đầu tư nhiều công sức. Tuy nhiên, việc cải tạo đất của bà P cũng nhằm làm phát triển tài sản chung, đồng thời việc phân chia đất như cấp sơ thẩm tạo điều kiện thuận lợi cho tất cả các bên khi sử dụng đất là phù hợp. Về án phí, bà P được chia tài sản và không thuộc trường hợp được miễn án phí nên phải chịu án phí theo quy định. Do đó, kháng cáo của bà P không có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Sánh C1, bà Phạm Thị Hồng P, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 63/2020/DS-ST ngày 21/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện G.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa; kết quả tranh tụng tại phiên tòa; ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên; xét kháng cáo của bà Nguyễn Thị Sánh C1, bà Phạm Thị Hồng P; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Phần đất tranh chấp qua đo đạc thực tế có diện tích 11484.2m<sup>2</sup> thuộc thửa 22, tờ bản đồ số 21, tọa lạc Ấp 1, xã L, huyện G, tỉnh Bến Tre. Phần đất nêu trên do ông Phạm Hữu Đ đại diện cho hộ đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; các nguyên đơn và bị đơn đang quản lý, sử dụng phần đất tranh chấp.

[2] Bà Sánh C1 kháng cáo cho rằng, phần đất tranh chấp có nguồn gốc của ông Võ Minh Trí để lại cho ông Võ Văn Thân, do chiến tranh gia đình ông Thân tản cư sang thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang nên ông Phạm Hữu Đ vào khai hoang sử dụng đất từ năm 1976. Khoảng năm 1983, ông Thân có về tranh chấp đất

với ông Đ nên Ủy ban nhân dân xã L, huyện G, tỉnh Bến Tre mời hai bên đến giải quyết, kết quả ông Đ đồng ý trả cho gia đình ông Thân 1700m<sup>2</sup> đất, phần còn lại thuộc quyền sử dụng của ông Đ.

Tuy nhiên, theo Biên bản xác minh ngày 09/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện G đối với ông Bùi Văn Nhị (Chủ tịch Hội Cựu chiến binh xã L, huyện G) thì ông Nhị xác nhận: Từ trước năm 1983, ông Võ Văn Thân không tranh chấp đất gì với ông Phạm Hữu Đ. Như vậy, lời trình bày của bà Nguyễn Thị Sánh C1 về nguồn gốc đất của gia đình ông Thân bỏ hoang, ông Đ khai hoang là không có căn cứ. Ngoài ra, bà Sánh C1 không cung cấp được chứng cứ nào khác để chứng minh phần đất tranh chấp là do ông Đ khai hoang mà có.

Trong khi đó, ông Nhị còn xác nhận phần đất 10915m<sup>2</sup> (đo đạc thực tế 11484.2m<sup>2</sup>) là của bà Võ Thị Vốn chết để lại cho con là bà Nguyễn Thị N vào năm 1975. Sau đó, bà N để lại cho các con là bà Phạm Thị H, bà Phạm Thị Hồng C, bà Phạm Thị Hồng P, ông Phạm Hữu Đ, bà Phạm Thị Hồng C3, bà Phạm Thị Hồng H2. Đồng thời, xác nhận của ông Nhị phù hợp với xác nhận tại Công văn số: 60/CV-UBND ngày 19/4/2010 của Ủy ban nhân dân xã L, huyện G và cũng phù hợp với lời trình bày của bà H, bà C, bà P, bà N. Cụ thể, theo đơn xin hòa giải và tranh chấp đất đai ngày 01/11/2005 của bà N trình bày: Sau khi hòa bình (năm 1975), bà N có cử các con là bà H, bà C, bà P, ông Đ đảm trách việc khai hóa và canh tác đất. Do đó, có cơ sở xác định phần đất tranh chấp 11484.2m<sup>2</sup> được bà N giao cho bà H, bà C, bà P, ông Đ cùng canh tác, sử dụng từ năm 1976. Từ đó, cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn là có căn cứ, kháng cáo của bà Sánh C1 không được chấp nhận.

[3] Bà P kháng cáo yêu cầu được nhận phần đất đúng với vị trí đất mà mẹ bà là bà N đã cho trước đó. Tuy nhiên, như đã phân tích ở trên, phần đất tranh chấp là tài sản chung chưa phân chia, việc phân chia phải đảm bảo hài hòa lợi ích của các đồng sở hữu. Tại phiên tòa phúc thẩm, các nguyên đơn là bà H, bà C, anh T cho rằng cấp sơ thẩm chia như bản án là phù hợp, thuận tiện cho tất cả các bên trong quá trình sử dụng đất, đồng thời nếu chia theo vị trí đất mà bà P đang canh tác thì không thuận tiện bằng do không có lối đi. Do đó, việc phân chia đất của cấp sơ thẩm là phù hợp, kháng cáo của bà P về nội dung này là không phù hợp. Ngoài ra, bà P còn cho rằng bà có khó khăn về kinh tế nên đề nghị xem xét lại phần án phí cho bà, tuy nhiên bà không cung cấp được chứng cứ chứng minh bà thuộc trường hợp được miễn, giảm án phí nên bà phải chịu án phí theo quy định.

[4] Đối với các nội dung khác của bản án do không có kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử không xem xét lại.

Từ những nhận định trên, xét thấy kháng cáo của bà P, bà Sánh C1 không có căn cứ nên không được chấp nhận.

[5] Đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà Phạm Thị Hồng P phải chịu án phí theo quy định. Bà Nguyễn Thị Sánh C1 thuộc diện hộ nghèo nên được miễn án phí.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Sánh C1;

Không chấp nhận kháng cáo của bà Phạm Thị Hồng P;

Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 63/2020/DS-ST ngày 21/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Bến Tre.

Áp dụng khoản 9 và khoản 14 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; các Điều 212, 317, 407, 609, 612, 613, 615, 623, 649, 652 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 95, 100, 167, 203 của Luật Đất đai năm 2013; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ yêu cầu độc lập của ông Phạm Hữu H1 về việc chia thừa kế tài sản do ông Phạm Văn Xướng và bà Nguyễn Thị N để lại đối với phần đất đo đạc thực tế có diện tích 11484.2m<sup>2</sup>, mục đích sử dụng đất: 300m<sup>2</sup> đất thổ cư; 11184.2m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm, thửa 22, tờ bản đồ số 21, tọa lạc tại ấp Xẻo Nhỏ, xã L, huyện G, tỉnh Bến Tre. Ông H1 có quyền khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Sánh C1 chia thừa kế theo quy định của pháp luật phân tài sản do ông Xướng và bà N để lại bằng một vụ kiện khác.

2. Đình chỉ yêu cầu độc lập của bà Phạm Thị T1 về việc yêu cầu bà Phạm Thị H, bà Phạm Thị Hồng C, bà Phạm Thị Hồng P, bà Nguyễn Thị Sánh C1, ông Phạm Hữu H1, ông Nguyễn Minh T trả cho bà T1 phần diện tích đất 727.2m<sup>2</sup>, thửa 1/22, tờ bản đồ số 21, tọa lạc tại ấp Xẻo Nhỏ, xã L, huyện G, tỉnh Bến Tre.

3. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị H, bà Phạm Thị Hồng C, bà Phạm Thị Hồng P về việc chia tài sản chung đối với phần đất đo đạc thực tế diện tích 11484.2m<sup>2</sup>, mục đích sử dụng đất: 300m<sup>2</sup> đất thổ cư; 11184.2m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm, thửa số 22, tờ bản đồ số 21, tọa lạc tại ấp Xẻo Nhỏ, xã L, huyện G, tỉnh Bến Tre.

- Bà Phạm Thị H được quyền sử dụng phần đất diện tích 2097.7m<sup>2</sup>, mục đích sử dụng đất: 60m<sup>2</sup> đất thổ cư; 2037.7m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm, thuộc thửa 1/22, tờ bản đồ số 21, tọa lạc tại ấp Xẻo Nhỏ, xã L, huyện G, tỉnh Bến Tre và toàn bộ hoa màu, nhà, công trình vật kiến trúc trên đất.

- Bà Phạm Thị Hồng C được quyền sử dụng phần đất diện tích 2033.2m<sup>2</sup>, mục đích sử dụng đất: 60m<sup>2</sup> đất thổ cư; 1973.2m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm, thuộc thửa 1/22, tờ bản đồ số 21, tọa lạc tại ấp Xẻo Nhỏ, xã L, huyện G, tỉnh Bến Tre và toàn bộ hoa màu trên đất.

- Bà Phạm Thị Hồng P được quyền sử dụng phần đất diện tích 2761m<sup>2</sup>, mục đích sử dụng đất: 60m<sup>2</sup> đất thổ cư; 2701m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm, thuộc thửa 1/22, tờ bản đồ số 21, tọa lạc tại ấp Xẻo Nhỏ, xã L, huyện G, tỉnh Bến Tre và toàn bộ hoa

màu trên đất. Trên đất có một ngôi mộ quét vôi chôn cất ông Phạm Hữu Đ, bà P có nghĩa vụ tạo điều kiện cho gia đình bà Nguyễn Thị Sánh C1 thăm viếng, chăm sóc ngôi mộ.

- Bà Nguyễn Thị Sánh C1 được quyền sử dụng phần đất diện tích 2703.6m<sup>2</sup>, mục đích sử dụng đất: 60m<sup>2</sup> đất thổ cư; 2643.6m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm, thửa 1/22, tờ bản đồ số 21, tọa lạc tại ấp Xẻo Nhỏ, xã L, huyện G, tỉnh Bến Tre và toàn bộ hoa màu, nhà, công trình vật kiến trúc trên đất.

- Buộc bà Phạm Thị H trả tiền công sức đầu tư, cải tạo đất cho ông Phạm Hữu Đ (bà Nguyễn Thị Sánh C1 đại diện nhận) số tiền 23.032.800 (*Hai mươi ba triệu không trăm ba mươi hai nghìn tám trăm*) đồng.

4. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Minh T về việc chia phần đất đo đạc thực tế diện tích 11484.2m<sup>2</sup>, mục đích sử dụng đất: 300m<sup>2</sup> đất thổ cư; 11184.2m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm, thửa số 22, tờ bản đồ số 21, tọa lạc tại ấp Xẻo Nhỏ, xã L, huyện G, tỉnh Bến Tre.

Ông Nguyễn Minh T được quyền sử dụng phần đất diện tích 1888.7m<sup>2</sup>, mục đích sử dụng đất: 60m<sup>2</sup> đất thổ cư; 1828.7m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm, thửa 1/22, tờ bản đồ số 21, tọa lạc tại ấp Xẻo Nhỏ, xã L, huyện G, tỉnh Bến Tre và toàn bộ hoa màu trên đất.

Buộc ông Nguyễn Minh T có nghĩa vụ thanh toán giá trị đất cho bà Phạm Thị Hồng P số tiền 23.902.500 (*Hai mươi ba triệu chín trăm lẻ hai nghìn năm trăm*) đồng, cho bà Nguyễn Thị Sánh C1 số tiền 60.862.500 (*Sáu mươi triệu tám trăm sáu mươi hai nghìn năm trăm*) đồng.

Ghi nhận việc bà Phạm Thị H và bà Phạm Thị Hồng C không yêu cầu ông Nguyễn Minh T thanh toán giá trị đất.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

5. Chấp nhận một phần yêu cầu của bà Phạm Thị Hồng C, ông Nguyễn Minh T về việc yêu cầu hủy hợp đồng thế chấp số: 0077/TC ngày 16/3/2004 giữa Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam với ông Phạm Hữu Đ và bà Nguyễn Thị Sánh C1.

- Hủy một phần Hợp đồng thế chấp số: 0077/TC ngày 16/3/2004 đối với phần đất diện tích 8613.15m<sup>2</sup> thuộc 1/22, tờ bản đồ số 21, tọa lạc tại ấp Xẻo Nhỏ, xã L, huyện G, tỉnh Bến Tre.

6. Chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam.

Buộc bà Nguyễn Thị Sánh C1 trả cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam số tiền gốc 30.000.000 (*Ba mươi triệu*) đồng, tiền lãi tính đến ngày 06/7/2020 là 92.289.564 (*Chín mươi hai triệu hai trăm tám mươi chín nghìn năm trăm sáu mươi bốn*) đồng và tiền lãi phát sinh đến ngày tắt nợ theo mức lãi

suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số: 0421210077/HĐTD ngày 16/3/2004. Trường hợp bà Nguyễn Thị Sánh C1 không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam được quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Bến Tre xử lý số tiền 60.862.500 (*Sáu mươi triệu tám trăm sáu mươi hai nghìn năm trăm*) đồng do ông Nguyễn Minh T thanh toán giá trị đất chênh lệch, tài sản bảo đảm là phần đất diện tích 2703.6m<sup>2</sup> thuộc 1/22, tờ bản đồ số 21, tọa lạc tại ấp Xẻo Nhỏ, xã L, huyện G, tỉnh Bến Tre và tài sản gắn liền với đất để thu hồi nợ theo đúng quy định pháp luật.

- Kiến nghị cơ quan có thẩm quyền căn cứ nội dung quyết định của bản án, điều chỉnh và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các đương sự khi có yêu cầu.

(Kèm theo bản án Hồ sơ đo đạc theo yêu cầu của Tòa án ngày 08/8/2019 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện G, tỉnh Bến Tre).

7. Về chi phí tố tụng: Chi phí tố tụng số tiền là 9.303.400 (*Chín triệu ba trăm lẻ ba nghìn bốn trăm*) đồng. Bà Phạm Thị H, bà Phạm Thị Hồng C, bà Phạm Thị Hồng P, bà Nguyễn Thị Sánh C1, ông Nguyễn Minh T, mỗi người phải chịu số tiền là 1.860.680 (*Một triệu tám trăm sáu mươi nghìn sáu trăm tám mươi*) đồng. Bà Phạm Thị Hồng C, ông Nguyễn Minh T đã thực hiện quyết toán xong nên bà Phạm Thị H, bà Phạm Thị Hồng P, bà Nguyễn Thị Sánh C1 có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Phạm Thị Hồng C, mỗi người phải trả cho bà C số tiền là 1.860.680 (*Một triệu tám trăm sáu mươi nghìn sáu trăm tám mươi*) đồng.

8. Về án phí:

8.1. Về án phí sơ thẩm:

- Bà Phạm Thị H, bà Phạm Thị Hồng C, bà Nguyễn Thị Sánh C1, bà Phạm Thị T1 được miễn án phí.

- Bà Phạm Thị Hồng P phải chịu là 44.898.075 (*Bốn mươi bốn triệu tám trăm chín mươi tám nghìn không trăm bảy mươi lăm*) đồng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.673.000 (*Ba triệu sáu trăm bảy mươi ba nghìn*) đồng theo các biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 009762 ngày 04/02/2010, số 005119 ngày 06/12/2011 và biên lai số 0004087 ngày 16/6/2014 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Bến Tre. Bà Phạm Thị Hồng P còn phải nộp tiếp số tiền án phí là 41.225.075 (*Bốn mươi một triệu hai trăm hai mươi lăm nghìn không trăm bảy mươi lăm*) đồng.

- Ông Nguyễn Minh T phải chịu là 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 6.226.000 (*Sáu triệu hai trăm hai mươi sáu nghìn*) đồng theo các biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003610 ngày 16/12/2013 và số 0004363 ngày 07/7/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Bến Tre. Hoàn lại cho ông Nguyễn Minh T số tiền còn lại là 5.926.000 (*Năm triệu chín trăm hai mươi sáu nghìn*) đồng.

- Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp cho bà Nguyễn Thị N (những người kế thừa quyền và nghĩa vụ: Bà Phạm Thị H, bà Phạm Thị Hồng C, bà Phạm Thị Hồng P, ông Phạm Hữu H1) là 325.000 (*Ba trăm hai mươi lăm nghìn*) đồng theo

biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 001960 ngày 18 tháng 6 năm 2007 của Chi cục thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Bến Tre.

- Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp cho bà Phạm Thị H là 6.150.000 (*Sáu triệu một trăm năm mươi nghìn*) đồng theo các biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 006855 ngày 22/12/2011, số 0003609 ngày 16/12/2013 và số 0004364 ngày 07/7/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Bến Tre.

- Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp cho bà Phạm Thị Hồng C là 5.545.000 (*Năm triệu năm trăm bốn mươi lăm nghìn*) đồng theo các biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 006859 ngày 22/12/2011, số 0003611 ngày 16/12/2013 và số 0004362 ngày 07/7/2015 của Chi cục thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Bến Tre.

- Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp cho bà Nguyễn Thị Sánh C1 là 8.742.800 (*Tám triệu bảy trăm bốn mươi hai nghìn tám trăm*) đồng theo các biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 005725 ngày 03/6/2008, số 006915 ngày 02/02/2012, và số 0004423 ngày 20/7/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Bến Tre. Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Sánh C1 số tiền (*Năm trăm ba mươi hai nghìn*) đồng đã nộp theo Quyết định thi hành án số 586/QĐCĐ-THA ngày 03/7/2007 của Chi cục thi hành án dân sự huyện G

- Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp cho ông Phạm Hữu H1 là 3.050.000 (*Ba triệu không trăm năm mươi nghìn*) đồng theo các biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0019921 ngày 03/10/2018 và số 0021223 ngày 12/10/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Bến Tre.

- Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam là 5.163.726 (*Năm triệu một trăm sáu mươi ba nghìn bảy trăm hai mươi sáu*) đồng theo các biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0016568 ngày 10/8/2016 và số 0018350 ngày 26/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Bến Tre. Hoàn trả cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam số tiền 532.000 (*Năm trăm ba mươi hai nghìn*) đồng đã nộp theo Quyết định thi hành án số 587/QĐCĐ-THA ngày 03/7/2007 của Chi cục thi hành án dân sự huyện G.

## 8.2. Án phí phúc thẩm:

Bà Nguyễn Thị Sánh C1 được miễn án phí.

Bà Phạm Thị Hồng P phải chịu 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0002590 ngày 01 tháng 10 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Bến Tre.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***

- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND huyện G;
- Chi cục THADS huyện G;
- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Huỳnh NGỌC Dũng**